TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNST
Ngày: 13/11/2018
Vụ án: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *Hồ Thị Kim Luyến*.

2. Bà *Phạm Thị Thiện*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Hương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 13/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 616/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 978/2018/QĐXX-ST ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Lê Ngọc Th**, sinh năm 1950.
ĐKTT: tổ 4, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

* Bị đơn: Bà **Võ Minh H**, sinh năm 1966.
ĐKTT: đường M, phường P, quận N, thành phố Cần Thơ.

NHẬN THẤY:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn – ông Lê Ngọc Th trình bày*:

Ông và bà Võ Minh H tự nguyện tìm hiểu vào năm 1992 và tổ chức đám cưới sau đó sống chung như vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 1993 có 01 con chung. Theo ông, thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn trong tình cảm, bất đồng quan điểm sống, việc chung sống không còn hạnh phúc và thời gian kéo dài, cả hai đã không còn chung sống với nhau hơn 20 năm nay. Do hôn nhân của cả hai không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc M (Nữ), sinh năm 1993. Hiện nay con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải thì bị đơn bà Võ Minh H trình bày: Thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn trong cuộc sống trong quá trình chung sống, có 01 con chung và về tài sản chung nợ chung thì giống như ông Th trình bày. Theo bà cả hai đã không còn chung sống như vợ chồng một thời gian dài nay tình cảm cũng không còn nên việc ông Th yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà thì đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung như ông Th trình bày là đúng. Hiện nay con đang chung sống với bà và cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đây là vụ kiện tranh chấp ly hôn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng do các đương sự không có đăng ký kết hôn nên thuộc trường Tòa án không hòa giải về hôn nhân mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên khởi kiện, giữ nguyên nội dung đã trình bày trước đó. Đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H, về con chung có 01 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày: Thống nhất với toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Th và đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Th.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Th và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Tuy không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, nhưng việc các bên không đăng ký kết hôn mà tiến tới chung sống như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặc khác, bị đơn bà H có địa chỉ

cư trú tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Xét thấy, ông Th và bà H bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, trong quá trình chung sống có con chung, cả hai có đủ điều kiện để đi đăng ký kết hôn cho đúng theo quy định của pháp luật nhưng cho đến nay cả hai cũng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ chung sống của họ không được coi là hôn nhân hợp pháp do đó không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống của ông Th và bà H phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cải vả, thiếu chia sẻ trong cuộc sống và thời gian kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì những người có quan hệ sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được công nhận là vợ chồng. Do vậy, việc ông Th yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H là có cơ sở để chấp nhận.

[3] **Về con chung**: Có 01 con chung tên Lê Ngọc M (Nữ), sinh ngày 04/04/1993. Con đã trưởng thành không yêu cầu nên Tòa án không đặt xem xét.

[4] **Về tài sản chung**: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] **Về nợ chung**: Các đương sự xác định không có.

[6] **Về án phí sơ thẩm**: Nguyeh wzn phai nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

T| ~nh| ủng nhajn wxnh treh,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 4, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bojluaj togung dah s| ụ

- Khoan 1 Wieũ 14, Điều 15, khoan 1 Wieũ 16, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Ngọc Th và bà Võ Minh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc M (Nữ), sinh ngày 04/04/1993. Con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001850 ngày 25/09/2018 thành án phí.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM

- Nơi nhận:
+ VKSND Q. Ninh Kiều;
+ Chi Cục THADS Q. Ninh Kiều;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.